

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: 296 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3517 1936

Fax: (08) 3517 1935

Tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Địa chỉ: Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 3724 5785 Fax: (04) 3724 5787

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	05 - 07
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014</i>	08
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2014</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014</i>	10
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	11 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Địa chỉ: Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 3724 5785 Fax: (04) 3724 5787

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Thành lập: Giấy phép số 42/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 10 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh sau này

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng Việt Nam

Hoạt động chính: Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Kinh doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán

Trụ sở chính: Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Hoàng Lân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên
Ông Lê Chí Phúc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Chí Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Phan Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ 03/09/2014)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Địa chỉ: Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 3724 5785 Fax: (04) 3724 5787

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, nguồn vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Chí Phúc
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM

296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935

Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 15-2-0012/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI (“Công ty”), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 19 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Quản lý quỹ Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Quản lý quỹ Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Khoản lỗ lũy kế của Công ty tính đến 31 tháng 12 năm 2014 là 28.543.162.106 đồng, chiếm tỷ lệ 47,57% vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 07 (bảy) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI giữ 06 (sáu) bản, chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 (một) bản.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội



Nguyễn Ngọc Tĩnh – Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN: 0132-2013-016-1

Tô Quang Tùng – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		35.761.375.735	30.536.363.690
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>4</i>	5.655.008.796	16.185.876.027
1. Tiền	111		5.655.008.796	16.185.876.027
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>5</i>	29.763.122.021	14.217.554.073
1. Đầu tư ngắn hạn	121		30.076.971.516	14.218.416.355
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(313.849.495)	(862.282)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		143.717.385	46.222.545
1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		89.186.616	46.222.545
2. Các khoản phải thu khác	135		54.530.769	-
<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		199.527.533	86.711.045
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<i>6</i>	150.372.821	53.935.146
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	<i>7</i>	49.154.712	32.775.899
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		330.962.660	837.948.996
<i>I. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		-	558.600.000
1. <i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221</i>	<i>8</i>	-	558.600.000
- Nguyên giá	222		288.985.351	1.629.625.351
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(288.985.351)	(1.071.025.351)
2. <i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>227</i>	<i>9</i>	-	-
- Nguyên giá	228		111.622.819	111.622.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(111.622.819)	(111.622.819)
<i>II. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		330.962.660	279.348.996
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<i>10</i>	27.136.660	10.919.996
2. Tài sản dài hạn khác	268	<i>11</i>	303.826.000	268.429.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		36.092.338.395	31.374.312.686

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.635.500.501	1.261.488.081
I. Nợ ngắn hạn	310		4.635.500.501	1.261.488.081
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	11.405.324	13.306.522
2. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	4.563.339.622	1.248.181.559
3. Doanh thu chưa thực hiện	328		60.755.555	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.456.837.894	30.112.824.605
I. Vốn chủ sở hữu	410		31.456.837.894	30.112.824.605
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	14	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(28.543.162.106)	(29.887.175.395)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		36.092.338.395	31.374.312.686

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
1. Ngoại tệ các loại	005			
- USD			1.000	1.000
- EUR			285	285
2. Các chứng khoán lưu ký của Công ty Quản lý quỹ	006		22.888.140.000	11.723.010.000
Trong đó: Chứng khoán giao dịch	007		15.888.040.000	11.723.010.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		100.000	-
Chứng khoán chờ giao dịch	013		7.000.000.000	-
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	15	2.988.654.746	2.217.806.100
Trong đó: Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		2.988.654.746	2.217.806.100
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	16	61.225.514.775	12.867.751.090
Trong đó: Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		61.225.514.775	12.867.751.090
5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	17	324.717.480.102	205.299.452
6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	18	2.265.241.993	2.036.222.545


Lê Chí Phúc
 Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Nguyệt Anh
 Kế toán trưởng


Cao Thị Kim Nạ
 Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
1. Doanh thu	01		2.924.606.456	6.941.474.196
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh	10	19	2.924.606.456	6.941.474.196
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		2.924.606.456	6.941.474.196
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	7.961.109.445	2.738.737.696
7. Chi phí tài chính	22	21	946.304.663	(3.955.118.944)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	8.894.885.464	8.458.007.283
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.044.525.774	5.177.323.553
10. Thu nhập khác	31	23	681.818.182	-
11. Chi phí khác	32	24	382.330.667	-
12. Lợi nhuận khác	40		299.487.515	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.344.013.289	5.177.323.553
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.344.013.289	5.177.323.553
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	224	1.035



Lê Chí Phúc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Nguyệt Anh
Kế toán trưởng

Cao Thị Kim Nạn
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI
 Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco,
 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội
 Điện thoại: (04) 3724 5785 Fax: (04) 3724 5787

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
	Năm trước		Năm nay		Năm nay		Năm nay	
	VND	VND	Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)	VND	VND
Vốn đầu tư								
1 của chủ sở hữu	50.000.000.000	60.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
2 LN chưa phân phối	(35.064.498.948)	(29.887.175.395)	5.177.323.553	-	1.344.013.289	-	(29.887.175.395)	(28.543.162.106)
Cộng	14.935.501.052	30.112.824.605	15.177.323.553	-	1.344.013.289	-	30.112.824.605	31.456.837.894



Lê Chí Phúc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Nguyệt Anh
Kế toán trưởng

Cao Thị Kim Ngân
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp trực tiếp)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		64.821.818.940	20.080.089.685
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(60.728.483.456)	(18.837.125.363)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.940.089.159)	(4.311.471.611)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.069.566.714	26.220.073.361
5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(23.781.399.226)	(18.031.050.347)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.558.586.187)	5.120.515.725
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	22		681.818.182	-
2. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.346.242.920	26.476.841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.028.061.102	26.476.841
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	10.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	10.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.530.525.085)	15.146.992.566
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	16.185.876.027	1.038.181.971
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(342.146)	701.490
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	5.655.008.796	16.185.876.027



Lê Chí Phúc
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Nguyệt Anh
 Kế toán trưởng

Cao Thị Kim Nhạn
 Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI được thành lập và hoạt động theo:

- Quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Quyết định số 50/UBCK-GP ngày 12 tháng 08 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ;
- Quyết định số 16/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 về việc thay đổi trụ sở chính và thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 37/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 02/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ;
- Quyết định số 15/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh “Tư vấn đầu tư chứng khoán”.

Trụ sở chính: Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.

Hoạt động kinh doanh: Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Kinh doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 23 người, trong đó 7 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo:

- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Công ty Quản lý quỹ Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

Chi phí chờ phân bổ

Các loại chi phí đồ dùng, thiết bị văn phòng, chi phí thuê văn phòng được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 36 tháng.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi được ghi nhận khi thu nhập phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập đầu tư chứng khoán và tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết.

Nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền mặt	34.423.747	38.479.332
Tiền gửi ngân hàng	5.620.585.049	16.147.396.695
Cộng	5.655.008.796	16.185.876.027

5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Tình hình đầu tư tài chính

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
A. Ngắn hạn	29.763.122.021	14.217.554.073
I. Chứng khoán thương mại	30.076.971.516	14.218.416.355
- Cổ phiếu niêm yết	30.076.971.516	14.218.416.355
II. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(313.849.495)	(862.282)
- Cổ phiếu niêm yết	(313.849.495)	(862.282)
Cộng	29.763.122.021	14.217.554.073

Trong đó:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro	4.513.089.495	6.998.486
Khoản đầu tư không bị giảm giá/ rủi ro	25.563.882.021	14.211.417.869
Cộng	30.076.971.516	14.218.416.355

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro

Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm		So với giá trị theo (VND)				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)	Tăng		Giảm		Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
					Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm		
Cổ phiếu niêm yết	190.021	4.513.089.495	441	6.998.486	-	-	(313.849.495)	(862.282)	4.199.240.000	6.136.204
ACB	-	-	100	1.642.460	-	-	-	(82.456)	-	1.560.004
CTG	-	-	10	188.282	-	-	-	(26.282)	-	162.000
DPM	-	-	10	426.639	-	-	-	(11.639)	-	415.000
EIB	-	-	10	151.227	-	-	-	(26.227)	-	125.000
HAG	190.000	4.512.759.000	10	266.399	-	-	(313.759.000)	(61.399)	4.199.000.000	205.000
HBC	-	-	10	163.245	-	-	-	(17.245)	-	146.000
ITC	-	-	10	85.128	-	-	-	(8.128)	-	77.000
LCG	-	-	10	77.116	-	-	-	(13.116)	-	64.000
MSN	-	-	10	1.141.710	-	-	-	(316.710)	-	825.000
OGC	-	-	10	135.203	-	-	-	(27.203)	-	108.000
PVF	10	111.167	10	111.167	-	-	(69.167)	(69.167)	42.000	42.000
QCG	-	-	10	68.102	-	-	-	(3.102)	-	65.000
SHB	-	-	100	691.035	-	-	-	(1.035)	-	690.000
SJS	-	-	10	207.311	-	-	-	(22.311)	-	185.000
STB	11	219.328	11	219.329	-	-	(21.328)	(30.129)	198.000	189.200
VCB	-	-	10	322.483	-	-	-	(54.483)	-	268.000
VCG	-	-	100	1.101.650	-	-	-	(91.650)	-	1.010.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Chi phí thuê văn phòng tại Hồ Chí Minh	37.209.600	25.023.000
Chi phí chờ phân bổ khác	113.163.221	28.912.146
Cộng	150.372.821	53.935.146

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tạm ứng	49.154.712	32.775.899
Cộng	49.154.712	32.775.899

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Thiết bị quản lý VND</i>	<i>Cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.340.640.000	288.985.351	1.629.625.351
Thanh lý	(1.340.640.000)	-	(1.340.640.000)
Số dư cuối năm	-	288.985.351	288.985.351
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	782.040.000	288.985.351	1.071.025.351
Khấu hao trong năm	176.269.333	-	176.269.333
Thanh lý	(958.309.333)	-	(958.309.333)
Số dư cuối năm	-	288.985.351	288.985.351
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	558.600.000	-	558.600.000
Số dư cuối năm	-	-	-

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã hết khấu hao.

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí công cụ chờ phân bổ	27.136.660	10.919.996
Cộng	27.136.660	10.919.996

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Ký quỹ thuê văn phòng, thẻ taxi	303.826.000	268.429.000
Cộng	303.826.000	268.429.000

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân	11.405.324	13.306.522
Cộng	11.405.324	13.306.522

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Ứng trước phí thưởng quản lý danh mục	2.717.480.102	-
Phải trả tiền mua chứng khoán	1.733.000.000	1.150.000.000
Phải trả khác	112.859.520	98.181.559
Cộng	4.563.339.622	1.248.181.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

<i>Cổ đông</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn	2,25	1.350.000.000	1.350.000.000
Ông Đặng Thành Tâm	3,43	2.060.000.000	2.060.000.000
Ông Trần Hữu Hồng Trường	16,02	9.610.000.000	9.610.000.000
Ông Trần Ngọc Điệp	53,39	32.030.000.000	32.030.000.000
Ông Vũ Quang Thịnh	8,25	4.950.000.000	4.950.000.000
Ông Lê Chí Phúc	8,33	5.000.000.000	5.000.000.000
Bà Ngô Thị Minh Tuyền	8,33	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	100,00	60.000.000.000	60.000.000.000

15. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Số dư đầu năm	2.217.806.100	4.611.508.959
Số tăng trong năm	494.173.770.450	49.164.430.670
Trong đó:		
- Ủy thác đầu tư	350.574.952.343	13.000.000.000
- Bán chứng khoán	140.894.023.679	30.313.113.300
- Cổ tức	2.566.382.345	5.807.217.900
- Lãi tiền gửi	138.412.083	43.967.470
- Khác	-	132.000
Số giảm trong năm	(493.402.921.804)	(51.558.133.529)
Trong đó:		
- Mua chứng khoán	(459.346.257.347)	(28.253.359.195)
- Phí quản lý danh mục	(1.016.369.651)	(6.783.703.043)
- Phí thưởng	(1.448.757.360)	-
- Phí giao dịch	(5.740.869.839)	(227.423.416)
- Rút vốn ủy thác	(23.915.944.857)	(11.580.180.006)
- Khác	(1.934.722.750)	(4.713.467.869)
Số dư cuối năm	2.988.654.746	2.217.806.100

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco,

521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3724 5785 Fax: (04) 3724 5787

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**16. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC**

Chứng khoán	Số lượng	Số cuối năm				Số đầu năm		
		Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Tăng/(giảm) so với giá thị trường (VND)	Số lượng	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Tăng/(giảm) so với giá thị trường (VND)
Cổ phiếu niêm yết								
CVT	25	235.000	592.500	357.500	-	-	-	-
DBC	-	-	-	-	308.200	5.518.777.473	5.948.260.000	429.482.527
HAG	595.030	13.429.726.427	13.150.163.000	(279.563.427)	-	-	-	-
HDC	4	57.200	58.800	1.600	-	-	-	-
HSG	2	86.600	95.000	8.400	-	-	-	-
HUT	594.200	6.835.917.443	8.437.640.000	1.601.722.557	-	-	-	-
MBB	2.970.003	40.423.959.470	38.907.039.300	(1.516.920.170)	-	-	-	-
PGS	-	-	-	-	65.000	1.744.179.017	1.846.000.000	101.820.983
PVX	-	-	-	-	700.000	1.992.985.000	2.100.000.000	107.015.000
TCM	2	40.600	64.000	23.400	140.750	2.650.369.600	2.899.450.000	249.080.400
VIP	-	-	-	-	100.000	961.440.000	1.080.000.000	118.560.000
VND	45.700	535.492.035	575.820.000	40.327.965	-	-	-	-
Cộng	4.204.966	61.225.514.775	61.071.472.600	(154.042.175)	1.313.950	12.867.751.090	13.873.710.000	1.005.958.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

17. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải thu tiền bán chứng khoán	-	205.299.452
Phải thu ứng trước tiền thưởng quản lý danh mục	2.717.480.102	-
Phải thu tiền đặt cọc mua trái phiếu	322.000.000.000	-
Cộng	324.717.480.102	205.299.452

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả tiền mua chứng khoán	2.163.107.705	1.990.000.000
Phải trả về phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	89.186.616	46.222.545
Phải trả phí cho ngân hàng	12.947.672	-
Cộng	2.265.241.993	2.036.222.545

19. DOANH THU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1.475.849.096	6.941.474.196
Doanh thu từ phí thưởng hoạt động	1.448.757.360	-
Cộng	2.924.606.456	6.941.474.196

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lãi tiền gửi	48.356.220	37.007.613
Lãi đầu tư tài chính	6.614.881.525	2.700.962.783
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.297.871.700	767.300
Cộng	7.961.109.445	2.738.737.696

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	358.114.360	18.503.436.000
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	312.987.213	(22.509.427.718)
Chi phí tài chính khác	275.203.090	50.872.774
Cộng	946.304.663	(3.955.118.944)

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	5.543.996.974	5.207.847.684
Chi phí đồ dùng văn phòng	494.594.285	36.858.071
Chi phí khấu hao TSCĐ	176.269.333	228.271.668
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.565.129.240	2.878.005.858
Chi phí bằng tiền khác	111.895.632	104.024.002
Cộng	8.894.885.464	8.458.007.283

23. THU NHẬP KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thanh lý tài sản	681.818.182	-
Cộng	681.818.182	-

24. CHI PHÍ KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thanh lý tài sản	382.330.667	-
Cộng	382.330.667	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận kế toán (1)	1.344.013.289	5.177.323.553
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	1.297.871.700	767.300
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) - (3)	46.141.589	5.176.556.253
Chuyển lỗ năm trước (5)	(46.141.589)	(5.176.556.253)
Thu nhập tính thuế (6)	-	-
Thuế suất (7)	20%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)	-	-

b. Tình hình quyết toán thuế TNDN

Từ khi thành lập đến nay (từ 2008 đến 2014), cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	1.344.013.289	5.177.323.553
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)	1.344.013.289	5.177.323.553
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)	6.000.000	5.004.110
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	224	1.035

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính								
Đầu tư ngắn hạn	30.076.971.516	313.849.495	14.218.416.355	862.282	29.763.122.021	14.217.554.073		
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	89.186.616	-	46.222.545	-	89.186.616	46.222.545		
Các khoản phải thu khác	54.530.769	-	-	-	54.530.769	-		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.655.008.796	-	16.185.876.027	-	5.655.008.796	16.185.876.027		
Cộng	35.875.697.697	313.849.495	30.450.514.927	862.282	35.561.848.202	30.449.652.645		
Nợ phải trả tài chính								
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.405.324	-	13.306.522	-	11.405.324	13.306.522		
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.563.339.622	-	1.248.181.559	-	4.563.339.622	1.248.181.559		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	60.755.555	-	-	-	60.755.555	-		
Cộng	4.635.500.501	-	1.261.488.081	-	4.635.500.501	1.261.488.081		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường.

28. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán.

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

28. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng (nhà đầu tư ủy thác).

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

<i>Công nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Cuối năm				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.405.324	-	-	11.405.324
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.563.339.622	-	-	4.563.339.622
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	60.755.555	-	-	60.755.555
Đầu năm				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.306.522	-	-	13.306.522
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.248.181.559	-	-	1.248.181.559

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

28. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty; Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn, cũng không bị giảm giá.

Công ty có nhóm tài sản tài chính giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i> <i>VND</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i> <i>VND</i>	<i>Giảm giá</i> <i>VND</i>
Các khoản đầu tư	30.076.971.516	-	313.849.495

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với thành viên ban lãnh đạo chủ chốt (Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc)

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các lợi ích ngắn hạn cho nhân viên (gồm lương, phụ cấp, thuế thu nhập cá nhân trả hộ, lợi ích bằng hiện vật, bảo hiểm xã hội và y tế)	1.036.500.000	1.467.480.000

Cuối năm không có số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

a. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

30. SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

b. Thay đổi do trình bày lại

Các khoản chi dùng để chi trả chi phí lưu ký trong năm 2013 được phản ánh trong dòng tiền chi trả lãi vay được trình bày lại trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Báo cáo LCTT năm 2013	Báo cáo LCTT năm 2013 trình bày lại	Tăng/(giảm)
		VND	VND	VND
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(18.799.897.385)	(18.837.125.363)	(37.227.978)
Tiền chi trả lãi vay	04	(37.227.978)	-	37.227.978
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.120.515.725	5.120.515.725	-

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.



Lê Chí Phúc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Nguyệt Anh
Kế toán trưởng

Cao Thị Kim Nạ
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

